

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1757 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 31 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Khu du lịch Eagles Beach” tại phường Mũi Né,
thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số
điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động
dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Dự án “Khu du lịch Eagles Beach” tại phường Mũi Né,
thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tại Công văn số 3058/STNMT-
CCBVMT ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc thông báo kết quả phiên họp Hội
đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khu du
lịch Eagles Beach”;*

*Theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu
du lịch Eagles Beach” tại phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình
Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung giải trình tại Công
văn số 1806/CV-2020 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Công ty TNHH Mũi Né
Xanh;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 361/TTr-STNMT ngày 23 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu du lịch Eagles Beach” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Mũi Né Xanh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 63/KHCNMT ngày 28 tháng 6 năm 2002 của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp cho Dự án “Khu du lịch Biển Nam”./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCTUBND tỉnh Lê Tuấn Phong;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Phan Thiết;
- UBND phường Mũi Né;
- Công ty TNHH Mũi Né Xanh;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tuấn Phong

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “KHU DU LỊCH EAGLES BEACH” TẠI PHƯỜNG MŨI NÉ, THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Chủ dự án: Công ty TNHH Mũi Né Xanh.
- Địa chỉ liên hệ: Khu phố Long Sơn, phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Người đại diện: Ông Nguyễn Mạnh Hiếu.
- Mục tiêu dự án: Phục vụ khách du lịch đến tham quan nghỉ dưỡng và trải nghiệm các dịch vụ ăn uống, spa tại khu du lịch.
- Phạm vi: Tổng diện tích dự án là 17.131,5 m².
- Quy mô công suất: 385 phòng, phục vụ cho 834 khách.
- Công trình chính: Khối khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, khu spa,...

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án: Gồm tác động từ nước thải, chất thải rắn (chất thải sinh hoạt, nguy hại,...), bụi trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng:
 - + Nước thải sinh hoạt: Nước thải trong giai đoạn này chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân với lưu lượng khoảng 3,15 m³/ngày.đêm (trong đó giai đoạn chuẩn bị là 0,45 m³/ngày.đêm, giai đoạn xây dựng là 2,7 m³/ngày.đêm); đặc trưng của nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa một lượng lớn các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ và các vi sinh,...
 - + Nước thải xây dựng: Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình vệ sinh dụng cụ với lưu lượng khoảng 02 m³/ngày; đặc trưng của nước thải chủ yếu chứa một lượng lớn các chất rắn lơ lửng,...
- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải trong giai đoạn này chủ yếu là nước thải sinh hoạt của nhân viên và nước thải của du khách tham quan, nghỉ dưỡng với lưu lượng là 286,92 m³/ngày.đêm; đặc trưng của nước thải chủ yếu là các chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, Amoni, Dầu mỡ động thực vật,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng:

+ Bụi phát sinh do hoạt động của các máy móc trong quá trình tháo dỡ các công trình hiện hữu, thi công san gạt mặt bằng nền móng của dự án.

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động đốt nhiên liệu của phương tiện máy móc trong quá trình tháo dỡ các công trình hiện hữu, thi công san gạt mặt bằng nền móng của dự án (*máy đào, máy gạt...*) và các phương tiện vận chuyển ra vào dự án. Thành phần chủ yếu là khí SO₂, NO₂, CO, CO₂,...,

- Trong giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện ra vào dự án (*máy phát điện dự phòng, các xe vận chuyển nguyên liệu*). Thành phần chủ yếu là khí SO₂, NO₂, CO, CO₂,... và bụi.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng: Chất thải rắn phát sinh trong quá trình tháo dỡ các công trình và xây dựng của dự án gồm: Gạch vỡ, gỗ dăm, ống nhựa, sắt thép vụn, bao bì và một số chất thải sinh thái,... với khối lượng cụ thể từng loại như sau: Chất thải từ quá trình tháo dỡ là 2.584 tấn, chất thải sinh thái 01 tấn và chất thải xây dựng ước tính khoảng 100 kg/ngày.

- Trong giai đoạn vận hành: Trong giai đoạn này chất thải chủ yếu từ quá trình chăm sóc cây, cảnh quang, bao bì thuốc bảo vệ thực vật,... trong dự án với khối lượng 156 kg/tháng (trong đó: Chất thải sinh thái 150 kg/tháng, bao bì thuốc bảo vệ thực vật là 06 kg/tháng). Thành phần chất thải chủ yếu bao bì phân thuốc, lá, cành cây,...

Ngoài ra, tại khu vực dự án có phát sinh một lượng chất thải rắn trôi dạt từ biển vào gồm bao bì, ngư lưới cụ, ... với khối lượng phát sinh khoảng 200 kg/ngày (*chủ yếu phát sinh từ tháng 06 đến tháng 11 hàng năm*).

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị máy móc hư hỏng (dầu, hộp số bôi trơn, giẻ lau, ...). Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 16 kg/tháng (giai đoạn chuẩn bị 6 kg/tháng, giai đoạn thi công xây dựng 10 kg/tháng).

- Trong giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại thông thường phát sinh chủ yếu từ hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị hư hỏng,... (hộp mực in, dầu nhớt, giẻ lau, ắc quy,...). Khối lượng phát sinh khoảng 160 kg/năm.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: Chất thải khác trong giai đoạn này chủ yếu là chất thải sinh hoạt của công nhân.

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng: Chất thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường với khối lượng khoảng 35 kg/ngày (giai đoạn chuẩn bị khoảng 05 kg/ngày, giai đoạn xây dựng khoảng 30 kg/ngày). Thành phần chủ yếu là các loại bao bì, vỏ cơm hộp, thức ăn thừa, ...

- Trong giai đoạn vận hành: Chất thải sinh hoạt từ hoạt động của nhân viên làm việc tại dự án và khách tham quan với tổng khối lượng khoảng 467 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là các loại bao bì thực phẩm, thức ăn thừa,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn chuẩn bị và xây dựng: Chủ đầu tư tận dụng lại nhà vệ sinh và hệ thống xử lý nước thải 30m³/ngày.đêm hiện hữu của dự án để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và xây dựng.

- Nước thải xây dựng: Toàn bộ lượng nước thải sẽ được xử lý sơ bộ bằng hố lắng tạm thời sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải hiện hữu để xử lý. Thường xuyên khơi thông tuyến thoát nước không gây ứ đọng cống rãnh thoát nước.

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Nước thải từ nhà vệ sinh (*chậu xí, chậu tiểu được thu gom bằng ống PVC đưa về bể tự hoại 03 ngăn tại mỗi tòa nhà*), sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ nhà bếp, khu nhà hàng được thu gom qua hệ thống tách dầu mỡ trước khi đưa vào hệ thống thu gom nước thải chung của Dự án.

Toàn bộ nước thải trên theo hệ thống đường ống thu gom (ống UPVC có đường kính 300mm) về các hố ga và đưa vào hệ thống xử lý tập trung công suất 300 m³/ngày đêm với quy trình như sau: Nước thải [(Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại) + Nước thải từ nhà hàng → Bể tách dầu] → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận nước thải (*thoát ra biển, nước thải sau xử lý đạt cột A, K = 1*).

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng: Nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí, Chủ đầu tư áp dụng các phương pháp giảm thiểu như sau:

+ Khi chuyên chở các nguyên vật liệu, các xe vận tải phải được phủ kín, tránh rơi vãi đất cát, bụi trên đường và vận chuyển theo đúng trọng tải của xe quy định.

+ Thường xuyên phun nước giảm bụi trên đường đi, đường xe vận chuyển, khu vực tập kết chất thải tháo dỡ. Chủ dự án sử dụng xe tưới 3 m³ sử dụng nước ngầm để giảm thiểu bụi.

+ Hằng ngày phải tổ chức vệ sinh, dọn dẹp công trường vào cuối giờ làm việc.

+ Dựng hàng rào cách ly cao 2 m bằng tôn xung quanh khu vực thi công dự án để giảm lượng bụi và tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh trong suốt quá trình thi công.

+ Bố trí giăng bạt hoặc lưới để hạn chế đến mức thấp nhất lượng bụi phát tán ra xung quanh khi xây dựng lên cao.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Trồng cỏ, cây xanh xung quanh và trong khu vực Dự án.

+ Các phương tiện giao thông ra vào dự án được bố trí hợp lý.

+ Tưới nước tuyến đường nội bộ, phía trước dự án với tần suất 2 lần/ngày nhằm giảm lượng bụi phát sinh, không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

+ Quy định tốc độ khi các xe lưu thông trong khuôn viên Dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng:

- Chất thải từ hoạt động tháo dỡ:

+ Sinh khối thực vật được thu gom và hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Bình Thuận thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Đối với sắt thép vụn, tole,... được thu gom và bán phế liệu. Các loại xà bần như gạch vỡ, bê tông, đá, đất, cát,... được sử dụng để san lấp mặt bằng Dự án.

+ Việc phá dỡ công trình cũ hiện hữu chủ dự án sẽ hợp đồng với Công ty TNHH XD – DV Lam Sơn Bình Thuận để tiến hành tháo dỡ và vận chuyển theo đúng quy định.

- Chất thải xây dựng:

+ Các loại cốp pha được sắp xếp thành đống gọn gàng, có bạt che phủ, nhằm tái sử dụng cho các công trình sau hoặc bán cho các đơn vị có nhu cầu.

+ Các loại sắt thép vụn, bao xi măng, thùng nhựa ... được thu gom tập trung và bán phế liệu; Đất cát dôi dư từ quá trình xây dựng được vận chuyển phía cuối dự án, phủ bạt che chắn, sau này sử dụng để tạo mặt bằng trồng cây, gia cố nền móng, đắp chỗ trũng.

+ Các chất thải không có khả năng tái sử dụng: Gỗ mục, vật liệu xây dựng hư hỏng,... nhà thầu xây dựng sẽ tập trung trong khu vực chứa tạm của công trường và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

3.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Rác thực vật: Dự án bố trí các thùng rác có kích thước: 60l, 120l,... theo dọc đường để thu gom rác thực vật. Phần rác này được phân loại thu gom hàng ngày và vận chuyển về khu vực lưu chứa rác (kho được xây mới, diện tích 12m², có mái che, nền tráng xi măng, tường gạch bao quanh). Chủ đầu tư

cam kết ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý hàng ngày.

- Đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật có chứa các thành phần nguy hại được thu gom, phân loại riêng biệt với chất thải rắn thông thường sau đó dán nhãn, mã số của chất thải nguy hại và lưu giữ đúng nơi quy định và đưa vào kho chứa chất thải nguy hại.

- Rác trôi dạt vào bờ biển: Bố trí nhân viên thu gom khối lượng rác thải phát sinh. Toàn bộ lượng rác thải trôi dạt vào bờ biển thu gom về kho chứa rác và xử lý như rác thải sinh hoạt.

3.4. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Chủ đầu tư tiến hành quản lý và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại như:

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng:

- + Hạn chế việc sửa chữa máy móc tại công trường (*chỉ sửa chữa trong trường hợp sự cố*).

- + Thu gom 100% lượng chất thải nguy hại phát sinh; từng loại chất thải nguy hại được phân loại vào các thùng riêng biệt có nắp đậy, dung tích 120 lít và được dán nhãn, mã số phân biệt; được lưu trữ tại khu vực chứa chất thải tạm của công trường có mái che, diện tích kho chứa 4 m².

- + Chủ Dự án tiến hành ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Trong giai đoạn vận hành:

- + Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Dự án được phân loại thu gom vào thùng chứa 120 lít, phân loại riêng với chất thải rắn thông thường.

- + Dán nhãn, mã số từng loại chất thải nguy hại và lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại (kho được xây mới, diện tích 6m², có mái che, tường gạch, quét vôi, kho được dán bản cảnh báo khu vực chứa chất thải nguy hại, gờ ngăn nước mưa chảy tràn vào khu vực, trang bị bình chữa cháy,...) của Dự án.

- + Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý và tiêu hủy theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác: Chất thải khác trong giai đoạn này chủ yếu là chất thải sinh hoạt.

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng:

- + Lắp nội quy công trường yêu cầu công nhân không xả rác bừa bãi.
- + Bố trí các thùng đựng rác tại các vị trí công nhân nghỉ ngơi.
- + Nơi lưu trữ chất thải có mái che; Tất cả rác sinh hoạt của công nhân, rác từ bờ biển được thu gom hàng ngày và tập trung vào thùng chứa rác 120 lít, 240 lít, chứa trong khu vực lưu trữ tạm diện tích 4 m². Chủ đầu tư hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Bình Thuận đến thu gom và xử lý hàng ngày.

- Trong giai đoạn vận hành: Chủ dự án bố trí thùng rác có kích thước: 10 lít, 15lít, 20lít,... tại tất cả các khu vực trên để thu gom toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh của du khách, sau đó lưu chứa tại kho chứa và hợp đồng thu gom, xử lý theo quy định.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Trong giai đoạn chuẩn bị thi công và xây dựng:
 - + Sử dụng biện pháp thi công móng tiên tiến bằng ép cọc hạn chế tối đa tác động của tiếng ồn, độ rung.
 - + Che chắn công trường thi công bằng tole cao khoảng 02 m.
 - + Bố trí thi công hợp lý để hạn chế tiếng ồn cộng hưởng. Các thiết bị thi công có độ ồn cao không hoạt động trong giờ nghỉ ngơi của người dân để hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe.
 - + Không sử dụng các máy móc, phương tiện quá cũ gây ồn lớn vượt quá tiêu chuẩn cho phép.
- Trong giai đoạn vận hành:
 - + Máy phát điện, hệ thống xử lý nước thải được bố trí xa khu nhà biệt thự, kinh doanh, dịch vụ,... của dự án.
 - + Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng cách âm và có đệm chống rung.
 - + Nền móng đặt các thiết bị bơm, thổi khí, máy phát điện được xây dựng bằng bê tông; Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su.
 - + Bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện định kỳ.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Biện pháp phòng chống cháy nổ: Sắp xếp, bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn và khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc; Dự án được đầu tư đầy đủ các trang thiết bị chống cháy nổ đồng bộ gồm bơm chữa cháy, bình chữa cháy mini, bể nước dự trữ; Các phương tiện phòng cháy chữa cháy được kiểm tra thường xuyên. Công nhân trực tiếp làm việc trong dự án được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ; Chủ Dự án sẽ phối hợp với Công an phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Thuận để xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy cho dự án.

- Sự cố do hệ thống xử lý nước thải: Đầu tư thiết kế lắp đặt hệ thống xử lý nước thải phù hợp với dự án, thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước

thải. Khi lắp đặt hệ thống điện, tủ điện cần đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật. Hóa chất sử dụng cho hệ thống và máy móc, thiết bị dự phòng được đặt trong nhà vận hành có mái che.

- Ứng phó sự cố rò rỉ chất thải nguy hại: Dầu nhớt thải được bố trí lưu giữ cẩn thận trong kho chất thải nguy hại và thu gom xử lý theo đúng quy định về chất thải nguy hại. Khu chứa chất thải có mái che, gờ bao quanh tránh nước mưa cuốn theo các chất thải (chất thải rắn, dầu nhớt thải...) gây tắc nghẽn dòng chảy và gây ô nhiễm môi trường.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án: Hệ thống xử lý tập trung công suất 300 m³/ngày đêm với quy trình như sau:

Nước thải [(Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại) + Nước thải từ nhà hàng → Bể tách dầu] → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận nước thải (*thoát ra biển, nước thải sau xử lý đạt cột A, K = 1*).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Trong giai đoạn xây dựng:

a. Giám sát môi trường không khí:

- Thông số khảo sát: Bụi tổng cộng, SO₂, NO_x, CO, vi khí hậu, tiếng ồn.
- Vị trí giám sát: 01 điểm trong khu vực thi công.
- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; Tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp (ban hành Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT-10/10/2002 của Bộ Y tế); QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT.

b. Giám sát nước thải:

- Công nhân sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu tại khu du lịch, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải 30 m³/ngày đêm để xử lý. Giám sát nước thải giai đoạn xây dựng như sau:

- Thông số giám sát định kỳ: pH, BOD₅, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng chất rắn hòa tan, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliform.

- Địa điểm giám sát: 01 điểm tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải 30 m³/ngày đêm.

- Tần số giám sát: 03 tháng/ lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14: 2008/BTNMT (cột A, k = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

c. Giám sát chất thải rắn:

+ Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng thải chất sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải xây dựng trong giai đoạn xây dựng.

+ Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật đánh giá và ghi nhận kết quả để làm cơ sở báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường cuối năm theo đúng hướng dẫn của Thông tư 25/2019/TT-BTNMT 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d. Giám sát nước biển ven bờ:

- Thông số giám sát: pH; DO, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Amôni (NH_4^+) (tính theo N); Hàm lượng sắt tổng số, Phosphat, Coliform, tổng dầu mỡ khoáng.

- Địa điểm giám sát: Nước biển ven bờ tại khu vực dự án.

- Tần số lấy mẫu: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh QCVN 10-MT:2015/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước biển ven bờ.

e. Giám sát khác: Giám sát thiên tai (mưa bão, lũ lụt, lũ quét, sạt lở công trình, trượt lở đất, đá): Cử cán bộ theo dõi nguy cơ xảy ra các sự cố mưa bão, lũ lụt, sạt lở công trình. Quá trình này được ghi trong sổ nhật ký theo dõi của bộ phận quản lý Dự án để theo dõi sự biến động theo không gian và thời gian để có biện pháp, khắc phục các tác động do sự cố gây ra. Tần suất thực hiện: Hàng ngày.

5.2. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:

a. Giám sát nguồn phát sinh nước thải:

Chủ dự án thực hiện giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

- *Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả từng công đoạn xử lý nước thải:*

+ Thời gian đánh giá ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý).

+ Thông số quan trắc: pH, BOD₅, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng chất rắn hòa tan, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliform (*các thông số quan trắc được cụ thể tại từng công đoạn xử lý nước thải*).

+ Vị trí giám sát: Tại vị trí đầu vào, đầu ra của từng công đoạn.

+ Quy chuẩn so sánh: Đánh hiệu suất xử lý của từng công đoạn xử lý theo thiết kế (không áp dụng quy chuẩn so sánh) để làm cơ sở hiệu chỉnh cho phù hợp.

- *Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý:*

+ Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải); Thời gian đánh giá là 07 ngày liên tiếp.

+ Vị trí giám sát: Tại vị trí đầu vào, đầu ra hệ thống xử lý.

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng chất rắn hòa tan, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh QCVN 14: 2008/BTNMT (cột A, k = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

b. Giám sát chất thải rắn

- Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng thải chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải xây dựng trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.

- Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật đánh giá và ghi nhận kết quả để làm cơ sở báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường cuối năm theo đúng hướng dẫn của Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c. Giám sát nước biển

- Thông số chọn lọc: pH; DO, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Amôni (NH₄⁺) (tính theo N); Hàm lượng sắt tổng số, Phosphat, Coliform, tổng dầu mỡ khoáng.

- Địa điểm giám sát: Nước biển ven bờ tại khu vực dự án.

- Tần số lấy mẫu: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh QCVN 10-MT:2015/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước biển ven bờ.

5.3. Trong giai đoạn vận hành chính thức:

a. Giám sát nguồn phát sinh nước thải:

Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng chất rắn hòa tan, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliform.

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu vào và 01 điểm đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14: 2008/BTNMT (cột A, $k = 1,0$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

b. Giám sát không khí:

- Thông số chọn lọc: NH_3 , H_2S .

- Địa điểm giám sát: 01 điểm tại khu xử lý nước thải tập trung.

- Tần số lấy mẫu: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 06/2009/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

c. Giám sát chất thải rắn

- Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng thải chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại tại vị trí lưu giữ tạm thời trong giai đoạn hoạt động thương mại.

- Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật đánh giá và ghi nhận kết quả để làm cơ sở báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường cuối năm theo đúng hướng dẫn của Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nhật ký quản lý chất thải rắn của Dự án sẽ được lưu giữ định kỳ và báo cáo với Cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

d. Giám sát nước biển ven bờ

- Thông số chọn lọc: pH; DO, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Amôni (NH_4^+) (tính theo N); Hàm lượng sắt tổng số, Phosphat, Coliform, tổng dầu mỡ khoáng.

- Địa điểm giám sát: Nước biển ven bờ cạnh dự án.

- Tần số lấy mẫu: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh QCVN 10-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước biển ven bờ.

e. Giám sát khác

- *Giám sát sự sụt lún, bồi lắng của công trình:* Định kỳ giám sát sự sụt lún, sạt lở, bồi lắng của công trình để có biện pháp khắc phục, gia cố lại công trình khi có sự cố xảy ra. Tần suất: 6 tháng/lần.

- *Giám sát sự cố xói mòn, sạt lở*: Chủ Dự án cam kết hàng ngày giám sát sự cố xói mòn do nước mưa chảy tràn đặc biệt là vào thời điểm mùa mưa và xói lở bờ biển. Tần suất: Hàng ngày.

- *Giám sát thay đổi mực nước ngầm*: Chủ Dự án cam kết sử dụng đúng lượng nước như đã xin cấp phép khai thác nước ngầm; Báo cáo định kỳ tình hình khai thác nước dưới đất để theo dõi diễn biến mực nước và chất lượng nước ngầm tại khu đất của Công ty đến đơn vị cơ quan quản lý.

- *Giám sát thủy triều đỏ*:

+ Không chế giám sát chặt chẽ các nguồn thải.

+ Cam kết không xả thải ra biển khi nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn quy định.

+ Khi phát hiện dấu hiệu “thủy triều đỏ” sớm báo ngay cho cơ quan chức năng, để có giải pháp ứng phó cần thiết.

+ Dán biển cảnh báo không cho khách du lịch ra vùng biển bị ảnh hưởng.

+ Tần suất: Giám sát quản lý môi trường ven biển thường xuyên để phát hiện kịp thời.

5.4. Thực hiện quản lý, báo cáo định kỳ:

- Chủ dự án tổ chức thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý kết quả giám sát, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

- Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường quy định; lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo./.